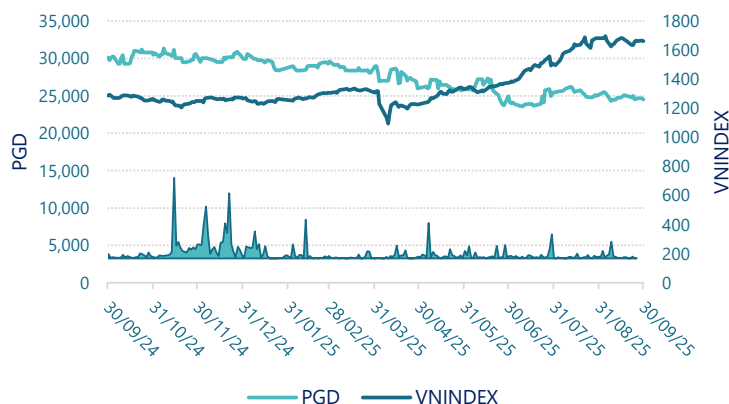


CTCP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (HSX: PGD)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	24,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	31,335
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	23,584
SL cổ phiếu LH	98,997,311
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,380
% sở hữu nước ngoài	46.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,425
P/E	17.8
EPS	1,377

DT thuần

Q3/25

3,091

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 117 | 3.9%

YoY: ▲ 185 | 6.4%

LN sau thuế

Q3/25

74.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.90 | 15.4%

YoY: ▼ 23.4 | -24.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

3.0%

+/- YoY: ▼ 1.1%

DT thuần

9T 2025

8,624

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 526 | 6.5%

LN sau thuế

9T 2025

139

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 112 | -44.9%

ROE

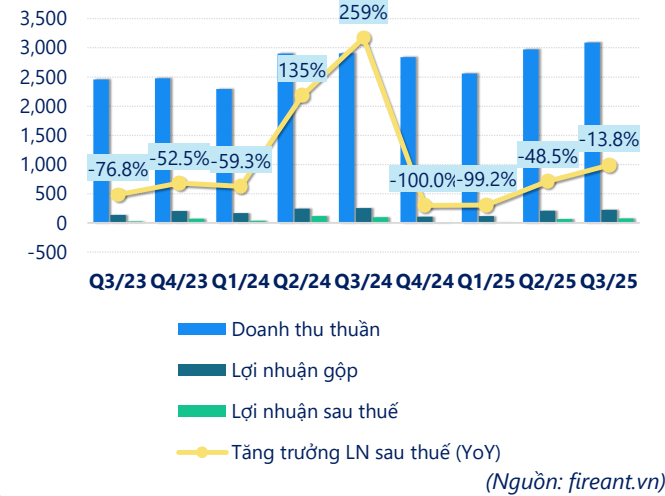
Q3/25

8.5%

+/- YoY: ▼ 13.2%

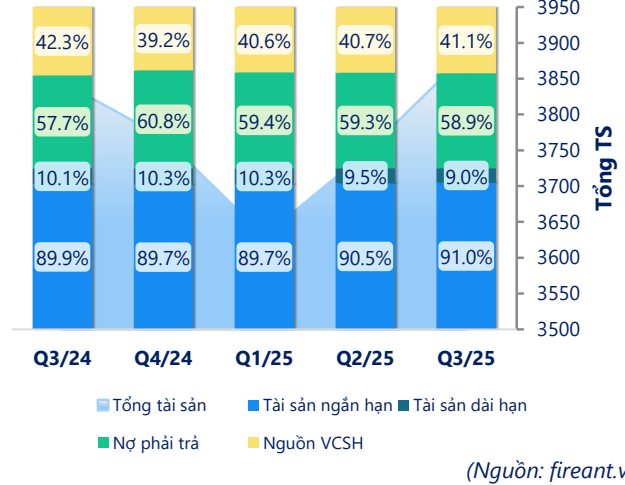
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

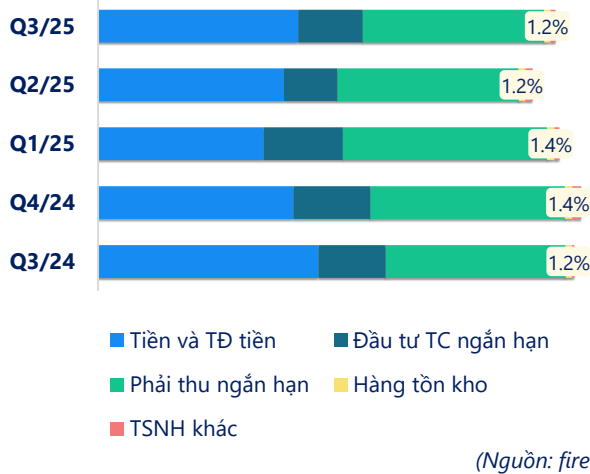


Cơ cấu Tổng tài sản

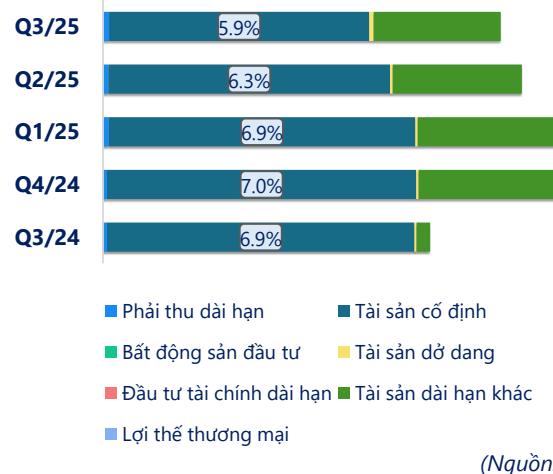
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

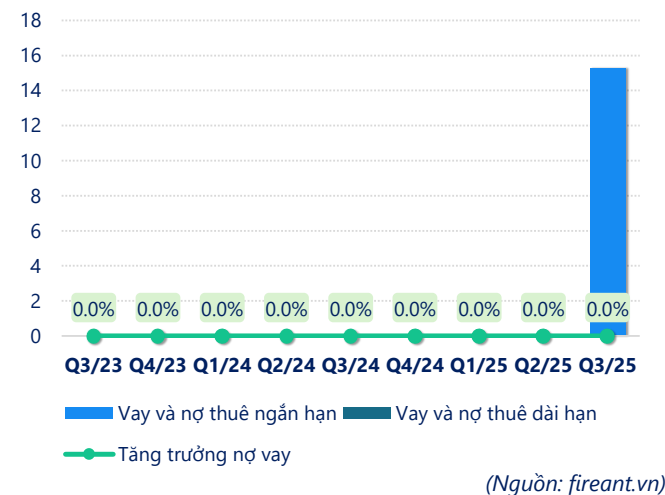


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



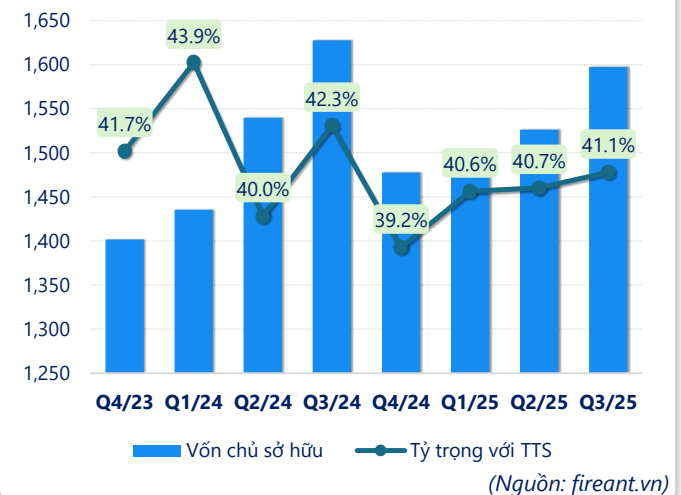
tỷ VNĐ

Nợ vay

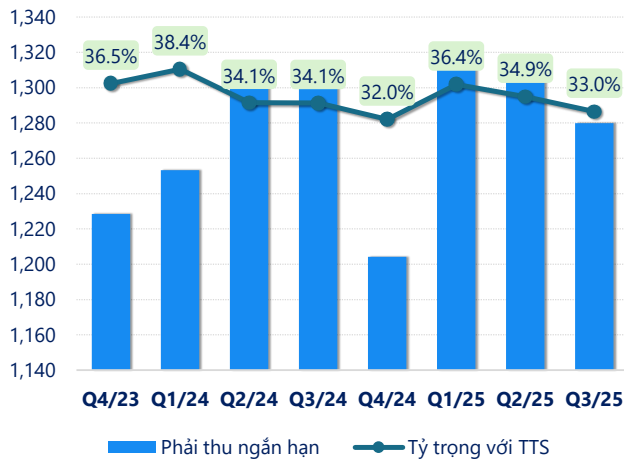


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

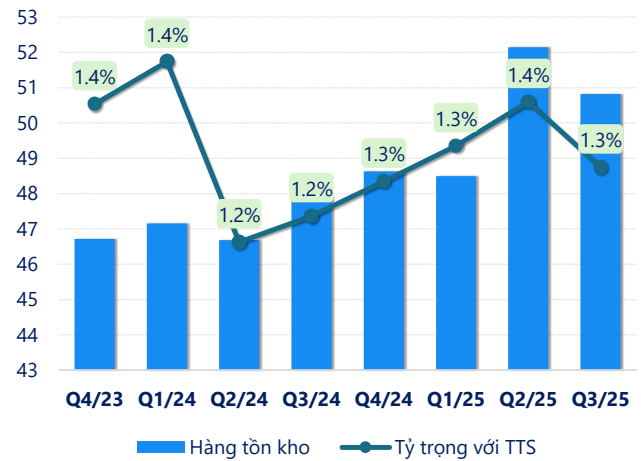


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


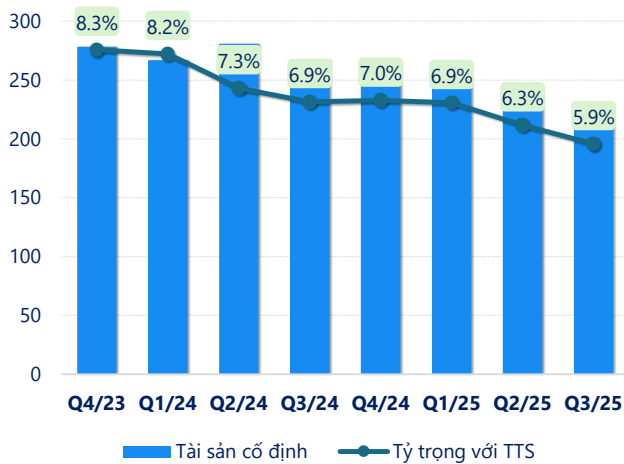
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


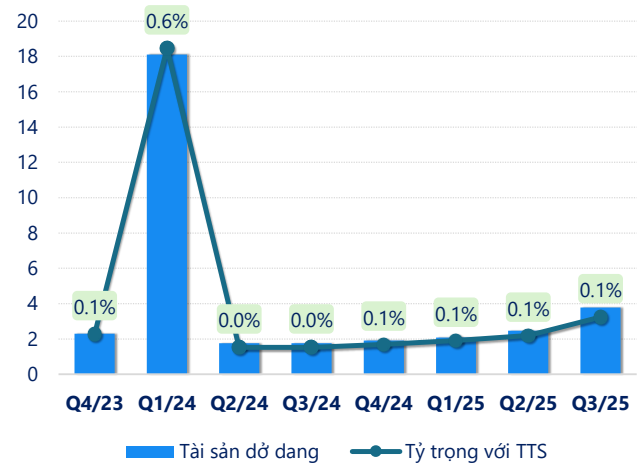
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

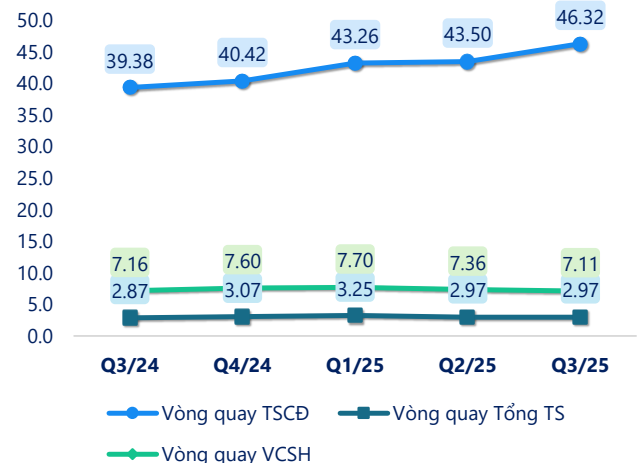
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	3,845	3,768	3,631	3,746	3,884
Tài sản ngắn hạn	3,456	3,378	3,258	3,392	3,535
Tiền và tương đương tiền	1,594	1,385	1,131	1,310	1,461
Đầu tư tài chính ngắn hạn	468	718	718	718	718
Phải thu ngắn hạn	1,310	1,204	1,322	1,306	1,280
Hàng tồn kho	47.9	48.6	48.5	52.1	50.8
Tài sản ngắn hạn khác	36.9	22.8	38.7	6.48	25.0
Tài sản dài hạn	389	390	373	354	349
Phải thu dài hạn	3.43	3.45	4.69	4.77	5.31
Tài sản cố định	267	263	251	238	228
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.76	1.91	2.07	2.46	3.77
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	11.8	122	115	109	112
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	2,218	2,291	2,155	2,220	2,287
Nợ ngắn hạn	2,218	2,291	2,155	2,220	2,287
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	15.3
Phải trả người bán ngắn hạn	1,893	2,012	1,922	1,016	1,090
Nợ dài hạn	0.09	0.09	0.09	0.09	0.09
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,627	1,478	1,475	1,526	1,597
Vốn chủ sở hữu	1,627	1,478	1,475	1,526	1,597
Vốn điều lệ	990	990	990	990	990
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)